

MỘT MÔ HÌNH, NHIỀU CON ĐƯỜNG: BÀI HỌC TỪ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ¹

TS. Nguyễn Công Thảo
Viện Dân tộc học

***Tóm tắt:** Bài viết này so sánh 4 mô hình hoạt động du lịch cộng đồng ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Mục tiêu của bài viết là chỉ ra 5 nhân tố quan trọng dẫn đến sự thành công, hiệu quả của mô hình nhà nghỉ Hương Danh so với 3 mô hình còn lại. Mặc dù mới xuất hiện, vận hành mang tính chất hộ gia đình nhưng nhờ tạo ra sự tương tác tối đa với khách, vận dụng truyền thông, chủ động tìm kiếm quan hệ hợp tác với công ty du lịch, cung cấp các sản phẩm đa dạng, nhà nghỉ Hương Danh đã vươn lên trở thành điểm đến nổi tiếng trên địa bàn huyện A Lưới.*

***Từ khóa:** Du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, nhân học kinh tế, Thừa Thiên Huế, A Lưới.*

Ngày nhận bài: 22/3/2019; ngày gửi phản biện: 6/5/2019; ngày duyệt đăng: 9/6/2019

Mở đầu

Bài viết này tập trung so sánh, phân tích tính hiệu quả của hoạt động du lịch cộng đồng (DLCD) qua việc tìm hiểu 4 mô hình DLCD đang được vận hành ở xã A Roàng và Hồng Hạ của huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong 4 mô hình này, có 2 mô hình tỏ ra hiệu quả nổi trội, 1 mô hình hoạt động mang tính hình thức, không hiệu quả và 1 mô hình hầu như chỉ còn tồn tại trên giấy dù nhận được nhiều hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ một tổ chức phi chính phủ. Bài viết tập trung làm rõ yếu tố nào đã tác động đến sự khác biệt trong tính hiệu quả của 4 mô hình trên và bài học kinh nghiệm rút ra là gì. Dữ liệu sử dụng trong bài viết được thu thập qua 2 đợt nghiên cứu thực địa tiến hành trong năm 2018 tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

1. Khái quát về điểm nghiên cứu

Đi theo quốc lộ 49 từ thành phố Huế về phía Tây khoảng 55km là đến xã Hồng Hạ, một xã nằm giáp thị trấn huyện A Lưới. Xã gồm 5 thôn với tổng số 464 hộ, 1.800 nhân khẩu. Các dân tộc chính bao gồm: Cơ-tu, Tà-ôi và Kinh, trong đó người Cơ-tu có số dân lớn nhất,

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ: “Một số giải pháp phát triển các mô hình du lịch cộng đồng góp phần giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số” do Ủy ban dân tộc quản lý, TS. Nguyễn Công Thảo làm Chủ nhiệm.

chiếm 60% dân số toàn xã². Hoạt động kinh tế chính của người dân trong xã là trồng keo và cao su. Diện tích keo bắt đầu được trồng và phát triển mạnh từ năm 1995 trong khi cây cao su mới xuất hiện từ năm 2003. Tỷ lệ nghèo của xã là 20,2%. Các điểm du lịch chính của xã hiện đang khai thác bao gồm: Khu du lịch sinh thái Parle, Cột đá thiêng A Doi, Nhà nghỉ cộng đồng tại trung tâm xã. Các điểm đang được nghiên cứu và khai thác trong thời gian tới nhằm mục đích cho khách du lịch đi tham quan, ngắm cảnh bao gồm: khu rừng tự nhiên A rừm, khu địa đạo ở thôn Cần Tôm, cánh đồng lúa thôn Cần Tôm.

Từ xã Hồng Hạ đi về phía Tây theo quốc lộ 49 khoảng 20km là đến thị trấn A Lưới. Từ đây, đi theo đường Hồ Chí Minh khoảng 35km về phía Nam sẽ đến xã A Roàng. Người Tà-ôi chiếm 97% dân số toàn xã, cư trú ở tất cả 7 thôn cùng với một số ít người Cơ-tu và người Kinh. Giống như nhiều xã khác trong huyện, trồng keo, cao su cũng là hoạt động sinh kế quan trọng của đại bộ phận người dân. Chăn nuôi, lúa nước không thực sự phát triển. Các điểm du lịch bao gồm: suối nước nóng A Roàng, rừng nguyên sinh A Roàng, hầm A Roàng (nằm trên đường Hồ Chí Minh, thông với huyện Tây Giang của tỉnh Quảng Nam). Ngoài ra, nghề dệt Dèng của người Tà-ôi ở đây vẫn còn được lưu giữ, tạo ra các sản phẩm thổ cẩm đặc sắc và đã được công nhận là di sản văn hóa vật thể vào năm 2015. Chính vì thế, khách du lịch cũng có thể trải nghiệm, quan sát quy trình dệt Dèng ngay tại các thôn của người Tà-ôi trong xã. Rượu Đoác cũng là một sản phẩm mang tính địa phương được người dân khai thác bán cho khách du lịch.

Bảng 1: Khái quát về địa bàn khảo sát

Huyện, xã	Số hộ	Số khẩu	DTTS (người)	Tỷ lệ nghèo (%)	Tỷ lệ cận nghèo (%)	Khách du lịch trong nước năm 2018 (người)	Khách du lịch nước ngoài năm 2018 (người)
Huyện A Lưới	13.448	51.398	39.848	21,5	13,4	5.675	30.000
Xã A Roàng	672	2811	2779	25,1	24,4	10.000	
Xã Hồng Hạ	454	1857	1675	20,2	11,08	8.000 ³	

Nguồn: UBND huyện A Lưới, 2018

Hoạt động DLCĐ phát triển ở xã Hồng Hạ từ năm 2016 trong khi ở xã A Roàng là từ năm 2014. Sản phẩm du lịch chung của hai xã là dịch vụ ăn, nghỉ, cảnh quan tự nhiên và bán

² Theo Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam năm 1979, Pa-hi, Pa-cô là hai nhóm địa phương của dân tộc Tà-ôi. Tuy nhiên, tại điểm nghiên cứu, người dân cũng như chính quyền xã coi Tà-ôi, Pa-hi, Pa-cô là 3 nhóm khác nhau.

³ Hai xã chưa có thống kê phân loại khách du lịch trong và ngoài nước.

sắc văn hóa tộc người. Điều đáng tiếc là số liệu khách lưu trú ở 2 địa bàn chưa được thống kê cụ thể theo quốc tịch. Thời gian lưu trú trung bình của khách ngoại tỉnh từ 1 - 2 ngày. Hai xã nằm trên tuyến du lịch xuyên Việt tính từ thành phố Huế và theo cán bộ địa phương thừa nhận, hoạt động du lịch ở đây chưa thực sự mạnh, cần phải có chiến lược đầu tư mới có thể hấp dẫn khách ở lại lâu hơn.

2. Bốn mô hình hoạt động du lịch cộng đồng

2.1. Nhà du lịch cộng đồng do thôn quản lý tại thôn A Ka, xã A Roàng

Năm 2012, dự án phát triển du lịch bền vững tiểu vùng sông Mekong hỗ trợ cho xã A Roàng xây dựng nhà du lịch cộng đồng, đặt địa điểm tại thôn A Ka. Dự án cũng tổ chức tập huấn các kỹ năng cần thiết như: nấu ăn, phục vụ phòng cho người dân; cung cấp xe đạp để phục vụ hoạt động trải nghiệm của du khách. Người dân trong thôn được đăng ký tập huấn và hoạt động trong các nhóm khác nhau tùy theo nguyện vọng. Các nhóm này bao gồm: đan lát, dệt, văn nghệ, hướng dẫn viên, ẩm thực, lưu trú. Ban quản lý du lịch cộng đồng của thôn được thành lập bao gồm đại diện hộ dân, trưởng thôn và một phó chủ tịch xã. Hoạt động của Ban dựa trên nguyên tắc tự thu, tự chi, ngân sách trích từ lợi nhuận của các dịch vụ du lịch. Được xây dựng đầu thôn, nằm sát đường Hồ Chí Minh, nhà du lịch cộng đồng của thôn được thiết kế theo kiến trúc nhà sàn, dựng bằng cột bê tông giả gỗ, vừa là nhà nghỉ cho khách, vừa là nơi trình diễn văn nghệ, tổ chức ăn uống khi khách yêu cầu. Tuy nhiên, mô hình cung ứng dịch vụ du lịch cấp thôn này chỉ hoạt động trong năm 2013 - 2014 và sau đó thì không hiệu quả. Quan sát từ hai đợt thực địa trong năm 2018 cho thấy, nhà du lịch cộng đồng thường xuyên đóng cửa, không có người trực, hầu như không có khách. Hàng chục xe đạp được cấp bỏ không dưới gầm sàn. Hiện nay, nhóm duy nhất còn hoạt động là nhóm văn nghệ nhưng cũng chỉ mang tính chất mùa vụ và phục vụ hoạt động chính trị, xã hội của xã là chủ yếu.

2.2. Homestay Hương Danh thôn A Ka, xã A Roàng

Hương Danh tính đến thời điểm cuối năm 2018 là nhà nghỉ cộng đồng duy nhất ở xã A Roàng. Đây là mô hình kinh doanh dịch vụ, du lịch mang tính chất gia đình của một hộ người Tà-ôi, khởi xướng từ năm 2013 với một nhà sàn nhỏ chừng 25m² được sử dụng làm nơi nghỉ cho khách du lịch. Ngoài cung cấp chỗ ở, hộ gia đình này đồng thời nấu ăn, dẫn khách đi tham quan, tổ chức trình diễn văn nghệ cho khách khi được yêu cầu. Đây được coi là mô hình kinh doanh dịch vụ du lịch phát triển hiệu quả bậc nhất của huyện A Lưới. Sau 4 năm hoạt động, đến năm 2017 hộ gia đình này tiếp tục xây dựng một nhà sàn mới, có thiết kế thêm 4 phòng ngủ riêng khép kín để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách du lịch. Mùa cao điểm đón khách thường diễn ra vào hai đợt trong năm. Đợt 1 trong các tháng 3 - 4 và đợt hai kéo dài từ tháng 8 - 11. Khách du lịch quốc tế và trong nước thăm quan được ước tính tương đương. Tính trung bình, nhà nghỉ tiếp đón 4 đoàn khách mỗi tháng với khoảng 50 người. Đối với đoàn đông, gia đình phải thuê cả anh em, hàng xóm phụ giúp nấu nướng. Giá nhà nghỉ áp dụng với khách nước ngoài là 100.000đ/đêm/người trong khi chỉ là 50.000đ/đêm với khách trong nước. Đối với bữa ăn, thực đơn và giá do khách tự chọn nhưng dao động ở

mức 150.000-200.000đ/suất. Theo ước tính của đại diện gia đình, thu nhập trung bình sau khi trừ chi phí từ hoạt động cung cấp dịch vụ ăn, nghỉ, tham quan dao động ở mức 10 triệu đồng/người/tháng⁴.

2.3. Nhà sinh hoạt cộng đồng do xã quản lý tại xã Hồng Hạ

Từ năm 2007, tổ chức JICA đã hỗ trợ xây dựng một nhà Gươl trên khuôn viên đất trụ sở UBND xã dùng để làm nơi sinh hoạt cộng đồng. Đến tháng 3 năm 2017, UBND xã quyết định đầu tư 100 triệu đồng để mua chăn, đệm, lắp quạt điện, cải tạo không gian nhà Gươl thành nhà nghỉ cộng đồng (homestay) phục vụ khách du lịch. Một nhóm 4 phụ nữ (02 người Cơ-tu và 02 người Tà-ôi) được giao quản lý nhà nghỉ, bán giải khát, phục vụ ăn uống, tổ chức biểu diễn văn nghệ cho khách du lịch. Bốn thành viên này được cử đi tập huấn kỹ năng phục vụ bàn, bar, lễ tân tại thành phố Huế. Việc chuyển đổi công năng nhà Gươl thành nhà nghỉ được giải thích là nhằm xây dựng mô hình mẫu để người dân ở các thôn noi theo. Bốn thành viên điều hành nhà nghỉ làm việc không chuyên trách, khi có khách, văn phòng UBND xã mới liên hệ để lên làm việc. Tuy nhiên, quy chế hoạt động của nhà nghỉ cũng như quy chế chi tiêu chưa được xây dựng, các thành viên tự kiểm soát thu chi nội bộ. Theo đánh giá của cán bộ xã, hiệu quả của mô hình này chưa rõ bởi mới vận hành được một năm. Công năng chính hiện nay mới chỉ là bán nước giải khát, phục vụ ăn uống cho cán bộ xã.

2.4. Khu du lịch sinh thái Parle xã Hồng Hạ

Năm 2016, UBND huyện A Lưới hỗ trợ xã Hồng Hạ 70 triệu đồng để làm biển báo, xây dựng nhà vệ sinh, chòi nghỉ ở khu vực thác nước Parle, cách trụ sở UBND xã chừng 2km để làm khu du lịch sinh thái. Khách du lịch chủ yếu đến đây từ tháng 4 đến tháng 8 với mục đích tắm, nghỉ mát và thưởng thức ẩm thực của người dân tại chỗ. Khu vực này có thể đón tối đa 500 khách tại một thời điểm. Đối tượng khách chủ yếu là người Việt Nam từ thành phố Huế và các tỉnh lân cận. Khách thăm quan mua vé với mức 10.000đ/người chưa kể tiền gửi xe máy, xe ô tô do tổ bảo vệ của xã quản lý. Trong tổng số 22 chòi nghỉ quanh khu vực thác nước, UBND xã quản lý 15 chòi, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ mỗi đoàn thể quản lý 2 chòi, thôn Cần Tôm do nằm tiếp giáp với thác nước nên được giao quản lý riêng một chòi trong khi 2 chòi còn lại giao cho 4 thôn quản lý (hai thôn quản lý 1 chòi). Chòi được dựng bằng tre, lợp lá cọ, có thể làm chỗ nghỉ trưa cho 10-20 người. Tiền thuê chòi là 150.000đ/lượt không tính thời gian và số người. Khách nghỉ ở chòi nào, nếu có nhu cầu sẽ được phục vụ giải khát, ăn uống bởi chủ quản lý của chòi đó.

Cũng trong năm 2016, UBND xã ra quyết định thành lập Tổ điều hành du lịch xã Hồng Hạ với chức năng chủ yếu là điều hành hoạt động du lịch khu vực thác nước Parle. Tổ điều hành này gồm 3 cán bộ của xã và 10 người dân đến từ 5 thôn (mỗi thôn 02 người). Về mặt tài chính, 30% tổng doanh thu (từ việc bán vé, cho thuê chòi) được nộp về xã và 70% còn lại

⁴ Trên thực tế, một số thành viên trong hộ gia đình có tham gia vào việc hỗ trợ nấu ăn, dọn dẹp nhà nghỉ khi đông khách nhưng phần lớn công việc hàng ngày chỉ do 2 thành viên đảm nhiệm. Mức thu nhập này tính cho hai thành viên chủ chốt đó.

dùng để chi trả cho ban điều hành. Số tiền mỗi thành viên được nhận dựa trên ngày công làm việc thực tế tại khu vực thác Parle, nơi thường có ít nhất 2 thành viên của ban điều hành trực quản lý.

3. Khác biệt về hiệu quả trong cùng một môi trường

Theo đánh giá của chính quyền huyện, xã, người dân và quan sát của tác giả, nhà nghỉ cộng đồng Hương Danh có thể coi là mô hình hoạt động thành công, hiệu quả nhất, theo sau là hoạt động du lịch sinh thái Parle. Trong khi đó, hai mô hình còn lại không hiệu quả. Điều gì dẫn đến sự khác biệt về tính hiệu quả giữa 4 mô hình này, nhất là khi chúng cùng nằm trên một địa bàn, cùng chia sẻ nguồn lực, cơ sở hạ tầng du lịch giống nhau? Theo bộ “*Tiêu chuẩn về du lịch cộng đồng*” được các quốc gia Đông Nam Á đồng thuận vào năm 2016 (Asean, 2016), có 10 tiêu chuẩn được đưa ra như là những yếu tố tiên quyết đảm bảo cho sự thành công, bền vững, hiệu quả của hoạt động DLCĐ. Những tiêu chuẩn này bao gồm: (1) Trao quyền và có sự tham gia của cộng đồng nhằm đảm bảo nền quản trị và quyền sở hữu minh bạch; (2) Thiết lập quan hệ hợp tác với các bên liên quan; (3) Đạt được sự thừa nhận đúng đắn từ phía cơ quan chức năng có thẩm quyền; (4) Cải thiện điều kiện kinh tế cũng như các giá trị nhân văn; (5) Duy trì cơ chế chia sẻ lợi ích minh bạch, công bằng; (6) Tăng cường gắn kết nền kinh tế khu vực và địa phương; (7) Tôn trọng truyền thống và văn hóa địa phương; (8) Góp phần bảo tồn tự nhiên; (9) Cải thiện chất lượng trải nghiệm cho khách du lịch thông qua việc thúc đẩy sự tương tác giữa khách và chủ; (10) Hướng tới tự chủ về tài chính. Trong khuôn khổ của một bài tạp chí, những phân tích dưới đây sẽ so sánh mức độ hiện diện của 5 tiêu chí căn bản trong 10 tiêu chí này ở 4 mô hình nghiên cứu đã đề cập; tìm hiểu mối liên hệ giữa chúng với mức độ thành công khác nhau của 4 mô hình ấy.

3.1. Sự tham gia của cộng đồng và quyền sở hữu minh bạch

Tương ứng với tiêu chuẩn 1 đã được các nước Asean thông qua, Sharon Harwood (2010) đưa ra 4 thách thức cần phải vượt qua để có sự tham gia một cách toàn diện, hiệu quả, bền vững của cộng đồng địa phương vào hoạt động DLCĐ bao gồm: (i) phát triển vốn con người ví dụ như bình đẳng giới; (ii) tạo việc làm cho người dân địa phương; (iii) đào tạo kỹ năng kinh doanh cho người dân; (iv) phát triển cộng đồng toàn diện. Nếu soi chiếu những điều kiện trên, có thể thấy nhà nghỉ Hương Danh là mô hình duy nhất mang tính chất gia đình và mọi thành viên trong độ tuổi lao động cùng tham gia vào việc vận hành dịch vụ nấu ăn, đưa đón khách. Toàn bộ lợi nhuận thu được từ nhà nghỉ, ăn uống được chia thành 2 phần: phần do gia đình nhà người chủ (người đầu tư vốn xây nhà sàn) và gia đình người cháu (người quản lý trực tiếp nhà nghỉ hàng ngày). Không có bất kỳ sự phân biệt nào giữa vợ, chồng, chú, cháu trong việc tiếp đón, phục vụ khách. Họ hàng và đội văn nghệ của thôn cũng thường xuyên được mời đến hỗ trợ khi khách nghỉ theo đoàn và có nhu cầu xem múa, hát. Họ được chia tiền minh bạch ngay trong ngày. Người điều hành nhà nghỉ có trình độ đại học, đã được tham gia khóa tập huấn do Sở Văn hóa - Thể Thao và Du lịch tỉnh Thừa Thiên - Huế tổ chức.

Bốn tiêu chí mà Harwood đề ra dù cũng hiện diện tại nhà du lịch cộng đồng tại thôn A Ka, xã A Roàng nhưng tính chất khác biệt so với mô hình tư nhân ở nhà nghỉ Hương Danh. Chỉ có một số hộ dân trong thôn được mời tham gia. Hai tiêu chí được đưa ra đối với người dân là có uy tín trong cộng đồng và có kinh nghiệm làm DLCĐ. Tiêu chí thứ hai được người dân cho là không hợp lý bởi hầu hết người dân trong thôn A Ka chưa từng làm việc trong lĩnh vực này. Thêm vào đó, mọi hoạt động ký kết hợp đồng, thu chi đều do Ban điều hành mà trực tiếp là Trưởng thôn và Phó chủ tịch xã quản lý. Người dân trong thôn chỉ được mời tham gia vào cung ứng các dịch vụ tại nhà du lịch cộng đồng khi có khách. Các dịch vụ này bao gồm: hướng dẫn viên, biểu diễn văn nghệ, nấu ăn, dệt thổ cẩm, giặt giũ, dọn phòng ngủ. Theo phản ánh của người dân, họ chỉ biết được trả công theo số ngày làm việc với định mức do Ban điều hành đưa ra mà không hề biết mức thu đối với khách du lịch. Đây là nguyên nhân khiến người dân cảm nhận rằng họ chỉ đơn thuần là làm thuê cho Ban điều hành. Đối với hoạt động dịch vụ tại nhà du lịch cộng đồng ở xã Hồng Hạ, sự tham gia của cộng đồng hầu như không có bởi việc vận hành chỉ do 4 người đảm nhiệm. Quy trình lựa chọn 4 người này hoàn toàn do UBND xã quyết định. Trong khi đó, 15/22 chòi nghỉ tại khu du lịch sinh thái Parle do xã quản lý. Toàn bộ hoạt động quản lý, bán vé, trông xe, dịch vụ cũng do các nhóm vận hành được UBND xã chỉ định. Người dân địa phương không được phép bán hàng trong khu vực dù khi xây dựng các chòi nghỉ, UBND xã đã kêu gọi người dân trong xã ủng hộ ngày công đi khai thác tre, dựng chòi miễn phí.

3.2. Quan hệ hợp tác với các bên liên quan

Theo Goodwin & Rosa Santilli (2009), để hoạt động DLCĐ phát triển, cần có sự tham gia chủ động của nhiều thành phần như: cộng đồng địa phương, công ty du lịch, chính quyền địa phương, các tổ chức phát triển, truyền thông. Đây là những “mắt xích” quan trọng nhằm đảm bảo tính hiệu quả, bền vững của DLCĐ. Chiếu theo quan điểm này, cả 4 mô hình DLCĐ ở huyện A Lưới đều chưa thỏa mãn. Đây cũng là điều dễ hiểu bởi du lịch, nhất là DLCĐ mới xuất hiện ở huyện A Lưới vài năm trở lại đây. Tuy nhiên, mô hình nhà nghỉ Hương Danh có sự tham gia của nhiều phía hơn cả. Ngoài tính chất gia đình, chủ nhà nghỉ thường xuyên huy động người dân trong thôn hỗ trợ không chỉ phục vụ khách mà cả giới thiệu, quảng bá cho mình. Thông tin chi tiết về dịch vụ do cơ sở này cung cấp cũng được quảng bá trên các trang mạng xã hội, đặc biệt là facebook. Tính đến cuối năm 2018, nhà nghỉ đã xây dựng được mối quan hệ hợp tác với một số công ty du lịch lữ hành như: Tonkin Voyage (Hà Nội), Inland Travel (Đà Nẵng), Eco (Thừa Thiên - Huế). Nhờ mối liên kết với các công ty này, Hương Danh thường xuyên có khách và đây cũng là sự khác biệt lớn nhất giữa mô hình DLCĐ này với 3 mô hình còn lại. Sự tham gia của chính quyền xã vào việc quản lý, điều hành hoạt động DLCĐ ở cả 3 mô hình còn lại là điểm chung lớn nhất. Việc quảng bá hình ảnh, truyền thông và liên kết với các doanh nghiệp chưa có. Sự tham gia của người dân địa phương khá mờ nhạt khiến những mô hình này mang dáng dấp của “doanh nghiệp nhà nước”. Theo người dân, đây được coi là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng

“cha chung không ai khóc”, để rồi ngừng hoạt động hoàn toàn như mô hình nhà nghỉ cộng đồng ở thôn A Ka.

3.3. Cải thiện điều kiện kinh tế

Nếu nhìn từ khía cạnh kinh tế, hoạt động DLCĐ đem lại nguồn thu nhập lớn nhất ở nhà nghỉ Hương Danh với trung bình 10 triệu đồng/tháng/người. Mức thu nhập này được coi là tương đối lớn trong mặt bằng chung ở huyện A Lưới. Với ba mô hình còn lại, thu nhập được cho là bấp bênh và không đáng kể. Ngoài mô hình nhà DLCĐ đã đóng cửa ở thôn A Ka, sự tham gia của 4 người dân vào việc vận hành nhà nghỉ cộng đồng của xã Hồng Hạ mang tính hình thức hơn là vì mục đích kinh tế. Khá nhiều ngày nhà nghỉ đóng cửa do không có khách, khi tình trạng này kéo dài thì người dân tìm việc làm thuê khác để có thu nhập trực tiếp. Nhu cầu cần lao động khá cao ở xã Hồng Hạ do diện tích keo và cao su lớn. Việc thu hoạch keo quanh năm cần khá nhiều nhân lực và người dân dễ dàng kiếm được 200 - 300 nghìn đồng/ngày cho việc hỗ trợ chủ vườn khai thác, vận chuyển keo lên đường quốc lộ. Tương tự như vậy, thu nhập từ việc tham gia Ban điều hành du lịch tại khu thác Parle cũng khá ít ỏi. Vì Ban điều hành chỉ được hưởng 30% tổng doanh thu trong khi quy mô Ban quá lớn với 13 thành viên. Trong hai năm 2016 và 2017, trung bình mỗi thành viên được chia trên dưới 1 triệu đồng/năm. Đây cũng là lí do khiến một số thành viên bỏ việc như trường hợp ở thôn Càn Tôm. Đối với 4 thành viên tham gia bán hàng, quản lý nhà nghỉ cộng đồng ở xã Hồng Hạ, họ được chia 40% lợi nhuận trong khi 60% còn lại phải nộp cho xã.

Theo Weaver và Lawson (2009), hoạt động DLCĐ chỉ bền vững khi nó đem lại nguồn thu nhập ổn định, giúp người dân có thể tự tạo lập cuộc sống của mình từ việc tham gia vào hoạt động DLCĐ. Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn cho thấy ở cả 3 mô hình còn lại, thu nhập từ việc tham gia vào hoạt động DLCĐ của người dân thấp hơn nhiều so với đi làm thuê trong xã. Mặc dù đi làm thuê vất vả hơn nhưng người dân cho rằng như thế hiệu quả và thiết thực hơn. Thu nhập từ du lịch vừa ít vừa mang tính mùa vụ, không góp phần cải thiện đời sống của gia đình. Đây chính là thách thức lớn nhất cho việc khuyến khích người dân tham gia, phát triển DLCĐ ở huyện A Lưới nói riêng, vùng dân tộc thiểu số nước ta nói chung.

3.4. Bảo tồn văn hóa, bảo vệ tự nhiên

Theo Russell (2000), DLCĐ cần phải góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa của người dân địa phương cũng như bảo vệ môi trường tự nhiên tại chỗ bởi đây là hai nguồn lực quan trọng hấp dẫn khách du lịch. Quan điểm này được các học giả Việt Nam ủng hộ khi lợi ích phát triển kinh tế, cải thiện sinh kế luôn được đặt ngang với nhiệm vụ bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên (Trần Thị Mai, 2005; Võ Quế, 2006). Kết quả khảo sát 4 mô hình DLCĐ ở huyện A Lưới cho thấy, ngoại trừ mô hình nhà nghỉ Hương Danh, mục tiêu cải thiện sinh kế cho người dân chưa đạt được ở 3 mô hình còn lại. Trong khi đó, một số tác động tiêu cực về mặt môi trường đã bắt đầu xuất hiện, đặc biệt ở khu du lịch sinh thái Parle, xã Hồng Hạ. Khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 10 thường chứng kiến lượng khách du lịch về đây nghỉ mát tăng đột biến. Theo ước tính của người dân, mỗi ngày có vài nghìn

người tìm đến khu du lịch sinh thái này. Trong khi đó, hệ thống thùng rác được lắp đặt quá ít, nhà vệ sinh quá sơ sài. Thêm vào đó, công tác truyền thông, giám sát không tốt dẫn đến tình trạng rác thải vứt bừa bãi trong khu vực, trên đất, dưới suối sau mỗi ngày. Việc thu gom, vệ sinh không được tiến hành thường xuyên khiến không khí, nguồn nước bị ô nhiễm. Không ít khách du lịch còn tự ý chặt cây ven khu sinh thái khiến cảnh quan tự nhiên bị phá vỡ. Đây là những vấn đề mà người dân ở thôn Cần Tôm, xã Hồng Hạ đặc biệt quan ngại.

Xã A Roàng nằm cạnh Khu rừng nguyên sinh A Roàng trong khi xã Hồng Hạ cũng giáp với khu rừng phòng hộ. Nhằm thúc đẩy du lịch, từ năm 2015, huyện A Lưới đã tiến hành khảo sát và xây dựng tuyến đường du lịch dã ngoại trong phạm vi rừng nguyên sinh. Đây là sản phẩm du lịch mới và hấp dẫn khách du lịch. Tuy nhiên, theo phản ánh của người dân ở thôn A Ka, xã Hồng Hạ, trong khi khách du lịch nước ngoài có ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh tốt thì nhiều khách người Việt lại thường vứt rác bừa bãi. Họ để lại nhiều vỏ chai nhựa, túi ni lông trong rừng, gây hệ lụy về môi trường trong tương lai không xa. Khá nhiều khách du lịch người Việt cũng có nhu cầu ăn thịt thú rừng và điều này dẫn đến tình trạng có người dân đi săn bắn trái phép để bán cho khách du lịch. Ở xã Hồng Hạ, cũng bắt đầu có hiện tượng giả làm khách du lịch để khai thác lâm sản trái phép trong khu vực rừng phòng hộ.

Theo quan sát, hầu hết các hộ Tà-ôi ở thôn A Ka vẫn còn khung dệt và nghề dệt Dèng vẫn phổ biến. Sản phẩm dệt ngoài phục vụ cho gia đình còn được đem đi bán ở các vùng lân cận, nhất ở huyện Tây Giang, Đông Giang của tỉnh Quảng Nam. Với mục đích lợi nhuận, đã có hiện tượng một số hộ mua hàng dệt công nghiệp, giả làm sản phẩm dệt tay của người Tà-ôi về bán cho khách du lịch. Tình trạng này, như phản ánh của người dân, được khuyến khích bởi một số hướng dẫn viên du lịch. Dệt Dèng là bản sắc văn hóa đặc trưng của người Tà-ôi ở A Lưới và nếu tình trạng này tiếp tục tái diễn, lan rộng sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh và sự tồn tại của nghề truyền thống này.

3.5. Chất lượng trải nghiệm cho khách du lịch

Xét dưới phương diện này, mô hình nhà nghỉ Hương Danh đem lại nhiều tương tác, trải nghiệm mới lạ hơn so với 3 mô hình còn lại. Họ được ở tại nhà người dân, được quan sát, trò chuyện với chủ nhà. Khi đi dã ngoại chủ nhà trực tiếp dẫn khách đi với nhiều hình thức khác nhau, tùy vào nhu cầu của khách: đi bộ, đi xe đạp, đi xe máy, đi ô tô. Hình thức biểu diễn văn nghệ cũng linh hoạt, diễn ra ngay trên khoảng đất trống trước nhà nghỉ và họ có thể cùng tham gia múa, hát nếu muốn. Trong khi đó, hoạt động văn nghệ ở 2 mô hình nhà du lịch cộng đồng mang nặng tính biểu diễn, trình diễn trong không gian đã bị “hành chính hóa” khiến tính bản sắc, trải nghiệm và mức độ tương tác giữa khách với người dân giảm đi. Khu du lịch sinh thái Parle chỉ thuần túy cung cấp nơi nghỉ, ăn uống mà không có hoạt động tương tác với khách du lịch. Mọi hoạt động dẫn khách nếu có đều do hướng dẫn viên vốn không phải người tại chỗ đảm nhiệm.

Kết luận

Để phát triển hiệu quả, bền vững, DLCĐ cần phải đáp ứng 3 tiêu chí: (i) Sự hỗ trợ và tham gia của người địa phương; (ii) Bảo vệ bản sắc văn hóa của người dân cũng như môi trường sở tại; (iii) Lợi ích hướng tới đa đến người dân địa phương (Russell, 2000; Scheyvens R, 2002). Bên cạnh đó, sự phát triển của DLCĐ một phần xuất phát từ nhu cầu bảo tồn tự nhiên. Các nhà hoạt động môi trường nhận thức được rằng, khó có thể duy trì những khu bảo tồn nếu không có sự hỗ trợ từ các cộng đồng địa phương. Các tổ chức bảo tồn nhìn nhận mô hình quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng là một phương thức hữu hiệu (Zebu EH & Bush M L, 1990). Dưới lăng kính đó, DLCĐ được coi là tạo dựng lợi ích kép: bảo tồn tự nhiên và phát triển cộng đồng (Wheeller, 1992). Những phân tích trong bài viết này đã chỉ ra tính hiệu quả, bền vững nổi trội từ mô hình nhà nghỉ Hương Danh trong mối tương quan với 3 mô hình còn lại. Dù là mô hình tư nhân, chưa nhận được sự hỗ trợ tài chính từ bên ngoài nhưng mô hình này đã góp phần cải thiện sinh kế rõ rệt cho hộ gia đình, tạo việc làm cho những người xung quanh và ít gây hệ lụy về mặt môi trường.

Tài liệu tham khảo

1. Asean (2016), *Asean community-based tourism*, Secretariate, Jakarta.
2. Russell, P. (2000), “Community based tourism”, *Travel & Tourism Analyst*, No. 5, pp. 89-116.
3. Scheyvens, R. (2002), “Case study: ecotourism and empowerment of local communities”, *Tourism Management*, Vol. 20, No. 2, pp. 59-62.
4. Sharon, Harwood (2010) “Planning for community-based tourism in a remote location”, *Sustainability*, Vol. 2, pp. 1909-1923.
5. Trần Thị Mai (2005), *Du lịch cộng đồng - du lịch sinh thái: Định nghĩa, đặc trưng và quan điểm phát triển*, Trường Trung cấp nghiệp vụ du lịch Huế.
6. Võ Quế (2006), *Du lịch cộng đồng: Lý thuyết và vận dụng*, Nxb. Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
7. Weaver, David and Lawton, Laura (2009), *Tourism Management*, Wiley publisher, CA (America).
8. Wheeler, B. (1992), “Is progressive tourism appropriate?”, *Tourism Management*, Vol. 13, No. 1, pp.104-105.
9. Zebu, E.H. & Bush, M. L. (1990), “Park-People relationships: an international review”, *Landscape and Urban Planning*, Vol. 19, pp.117-31.